|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY CHẾ**

**Quản lý, vận hành và khai thác**

**Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số …../QĐ-BKHĐT ngày / /2012*

*của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1**. **Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia; trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

1. Đối tượng áp dụng
2. Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Tổng cục Thống kê, Văn phòng Bộ, Trung tâm Tin học, Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị khác thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phòng Đăng ký kinh doanh trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh);
4. Tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng thông tin từ Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

**Điều 2**. **Giải thích từ ngữ**

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia" (sau đây gọi tắt là Hệ thống) là Hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký doanh nghiệp được quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/04/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, bao gồm các cấu phần cơ bản: Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống Hạ tầng kỹ thuật và Chương trình ứng dụng đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
2. “Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia” là trang thông tin điện tử để các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, truy cập thông tin về đăng ký doanh nghiệp để phục vụ cho công tác cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh; khai thác và công bố nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp.
3. “Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp” là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc được lưu trữ, quản lý trong Hệ thống.
4. “Chương trình ứng dụng đăng ký doanh nghiệp quốc gia” bao gồm: hệ quản trị Cơ sở dữ liệu, ứng dụng báo cáo, phần mềm quản trị Cơ sở dữ liệu cùng các công nghệ lưu trữ và xử lý dữ liệu, các công cụ sao lưu và phục hồi dữ liệu của Hệ thống.
5. “Hệ thống Hạ tầng kỹ thuật” là tập hợp các máy chủ, máy trạm, thiết bị ngoại vi, thiết bị kết nối mạng, thiết bị phụ trợ, mạng nội bộ, mạng diện rộng của Hệ thống.
6. “Máy trạm” là máy tính sử dụng cho việc cấp đăng ký doanh nghiệp ở Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.
7. “Cơ quan chủ quản của Hệ thống” là Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
8. “Cơ quan quản lý và vận hành Hệ thống” là Cục Quản lý đăng ký kinh doanh thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi tắt là Cục Quản lý đăng ký kinh doanh) và các Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.
9. “Hệ thống Báo cáo” là hệ thống các báo cáo về tình hình đăng ký doanh nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước ở cấp trung ương và địa phương.
10. “Cơ quan cung cấp thông tin” là Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh thuộc Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (sau đây gọi tắt là Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh) và Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.
11. “Thông tin thuộc phạm vi địa phương quản lý” là nội dung thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, của mọi doanh nghiệp, chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh do Phòng Đăng ký kinh doanh của địa phương đó cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động.
12. “Số hóa thông tin” là quá trình chuyển đổi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy thành tài liệu điện tử lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
13. “Chuẩn hóa dữ liệu” là quá trình kiểm tra, đối chiếu và hiệu đính thông tin cho chính xác giữa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy lưu trữ tại Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và thông tin thực tế của doanh nghiệp.
14. “Trung tâm dữ liệu” là hệ thống các máy chủ, máy trạm, thiết bị mạng, thiết bị lưu trữ, các phần mềm ứng dụng và các thiết bị phần cứng khác phục vụ cho các yêu cầu tính toán, lưu trữ và phân phối dữ liệu và các yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin khác.
15. “Các mạng vệ tinh” là hệ thống mạng đặt tại các Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh được kết nối với Hệ thống chỉ phục vụ riêng cho công tác chuyên môn về đăng ký doanh nghiệp.
16. “Tham gia tên miền” là việc các máy tính tham gia vào hệ thống tên miền đăng ký kinh doanh của Hệ thống.

**Điều 3. Nguyên tắc chung**

1. Người thành lập doanh nghiệp tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực và tính chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
2. Thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được doanh nghiệp nhập trực tiếp hoặc được cán bộ Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
3. Thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý là thông tin gốc về doanh nghiệp.
4. Thông tin về đăng ký doanh nghiệp được công bố trên nghiệp quốc gia là thông tin được kết xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
5. Doanh nghiệp thường xuyên truy cập vào Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, tự kiểm tra, cập nhật thông tin để đảm bảo tính chính xác về thông tin đăng ký doanh nghiệp.
6. Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp thông báo cho Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện việc hiệu đính lại thông tin theo đúng nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
7. Thông tin về báo cáo tài chính của các công ty cổ phần trên Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia được lấy từ Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp - Tổng cục Thuế.
8. Cục Quản lý đăng ký kinh doanh tổ chức quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi cả nước. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh quản lý nội dung thông tin thuộc phạm vi địa phương quản lý trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
9. Định kỳ hoặc đột xuất theo quyết định của Cơ quan quản lý vận hành Hệ thống trong trường hợp cần thiết, Hệ thống ngừng hoạt động để bảo dưỡng, kiểm tra về mặt kỹ thuật.

**Điều 4. Những hành động bị nghiêm cấm**

1.Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân lập trang thông tin điện tử, cổng thông tin với tên gọi trùng hoặc gây nhầm lẫn với Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Nghiêm cấm các hành vi cản trở, ngăn chặn trái phép quá trình truyền, gửi, nhận thông tin hoặc thay đổi, xóa, hủy, giả mạo, phá hoại, truy cập trái phép vào Hệ thống với bất cứ hình thức nào, nếu vi phạm tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Sử dụng thông tin về đăng ký doanh nghiệp vào các mục đích trái pháp luật; kinh doanh thông tin về đăng ký doanh nghiệp mà chưa có sự chấp thuận của cơ quan cung cấp thông tin; cố ý làm sai lệch nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp, chuyển nhượng thông tin đăng ký doanh nghiệp bất hợp pháp, sai đối tượng.

**Điều 5. Ngôn ngữ và bộ mã tiếng Việt sử dụng trong Hệ thống**

1. Ngôn ngữ chính thức được dùng trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia là ngôn ngữ tiếng Việt.
2. Bộ mã tiếng Việt sử dụng trên Hệ thống là bộ mã tiếng Việt chuẩn theo pháp luật hiện hành (unicode, TCVN 6909:2001).

**Chương II**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

**Điều 6. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp**

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bao gồm các thông tin về đăng ký doanh nghiệp, về hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, về hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong đăng ký doanh nghiệp, các quyết định chấp thuận hồ sơ hay từ chối hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, thông tin về lịch sử đăng ký doanh nghiệp, về việc nhận mã số doanh nghiệp từ Hệ thống Đăng ký Thuế và các thông tin cần thiết khác để hỗ trợ và duy trì quá trình đăng ký doanh nghiệp tại các Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

**Điều 7. Phối hợp triển khai chuẩn hóa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp**

* + - 1. Trên cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương, hàng năm, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chuẩn hóa dữ liệu gửi các cơ quan liên quan khác để phối hợp thực hiện. Kế hoạch bao gồm các nội dung cơ bản: thời gian triển khai; nguồn lực tài chính, con người; số lượng doanh nghiệp dự kiến triển khai; công tác phối hợp trong việc tuyên truyền, gửi thông báo, hiệu đính dữ liệu, rà soát tình trạng hoạt động, thu hồi và công bố thông tin giữa các cơ quan liên quan.
      2. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan Thuế và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai việc chuẩn hóa dữ liệu về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

**Điều 8. Số hóa thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp**

1. Khi thực hiện cấp đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện việc số hóa thông tin tài liệu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và lưu đầy đủ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp .
2. Trường hợp tài liệu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp chưa được số hóa đầy đủ, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh hàng năm xây dựng kế hoạch triển khai và kế hoạch ngân sách để đảm bảo kinh phí thực hiện.

**Điều 9. Bổ sung dữ liệu doanh nghiệp của địa phương**

Trên cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp tại địa phương và dữ liệu hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, định kỳ hàng quý, hàng năm, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, đối chiếu với dữ liệu thực tế của địa phương để chuyển đổi bổ sung dữ liệu còn thiếu vào trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

**Điều 10. Dữ liệu về báo cáo tài chính**

1. Dữ liệu về báo cáo tài chính công ty cổ phần được truyền tải từ Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp - Tổng cục Thuế và được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu về báo cáo tài chính công ty cổ phần tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán và các quy định về khai thác, sử dụng dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại Quy chế này.

**Chương III**

**CỔNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUỐC GIA**

**Điều 11**. **Quy định chung về Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia**

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện truy cập vào Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo địa chỉ [www.dangkykinhdoanh.gov.vn](http://www.dangkykinhdoanh.gov.vn).
2. Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia bao gồm các ứng dụng sau:

a) Đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử;

b) Dịch vụ thông tin;

c) Bố cáo điện tử;

d) Chuẩn hóa dữ liệu;

e) Hệ thống Báo cáo;

f) Hệ quản trị nội dung.

**Điều 12. Chức năng của Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia**

Cung cấp các thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về doanh nghiệp, đăng ký doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội; tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

1. Hỗ trợ doanh nghiệp, người đăng ký doanh nghiệp tra cứu tên, đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, thực hiện các quy định về công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.
2. Cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp và báo cáo tài chính của công ty cổ phần trên phạm vi cả nước.
3. Công bố thông tin về vi phạm của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
4. Chuẩn hóa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp.
5. Trao đổi thông tin với hệ thống thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước khác theo quy định của pháp luật.
6. Cung cấp các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 13. Thành lập và tổ chức Ban biên tập Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia**

1. Cục trưởng Cục Quản lý đăng ký kinh doanh ban hành Quyết định thành lập Ban biên tập Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

* + - 1. Cơ cấu tổ chức của Ban biên tập

a) Ban biên tập Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia gồm Trưởng ban, các Phó trưởng ban, Thư ký và các ủy viên;

b) Các thành viên Ban biên tập làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, được hưởng các chế độ nhuận bút đối với công tác đăng thông tin, tin tức lên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.

**Điều 14**. **Nhiệm vụ của Ban biên tập Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia**

Định hướng nội dung thông tin cung cấp trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, đảm bảo đáp ứng yêu cầu hoạt động nghiệp vụ của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, các cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Hướng dẫn và phối hợp các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thu thập, biên tập, rà soát, xử lý thông tin, cập nhật và cung cấp thông tin trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

Tham mưu trong việc xây dựng và định hướng phát triển nội dung thông tin trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Xây dựng và tổ chức mạng lưới đội ngũ cộng tác viên phục vụ cho việc cung cấp tin, bài trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Tổ chức trao đổi, thảo luận trên diễn đàn của Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo Cục trưởng Cục Quản lý đăng ký kinh doanh về tình hình, kết quả hoạt động của Ban Biên tập về tình hình hoạt động của Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

**Điều 15. Hình thức cung cấp và cập nhật thông tin, dữ liệu**

1. Việc cập nhật và đăng tải thông tin tại ứng dụng quản trị nội dung trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Quy chế này được thực hiện như sau:

a) Biên tập viên, cộng tác viên thu thập thông tin, tạo bài viết mới và gửi đến Thư ký Ban biên tập;

b) Thư ký Ban biên tập sẽ tập hợp và gửi Ban biên tập xem xét. Nếu bài viết được duyệt, Thư ký ban Biên tập và Ban kỹ thuật cập nhật lên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trong trường hợp không được phê duyệt, bài viết sẽ được gửi lại cho biên tập viên, cộng tác viên, thông báo lý do để sửa chữa hoặc từ chối cập nhật.

1. Các thông tin được công bố tại các ứng dụng dịch vụ thông tin, bố cáo điện tử, chuẩn hoá dữ liệu, Hệ thống Báo cáo được kết xuất tự động từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
2. Thời gian, tần suất cập nhật thông tin

a) Đối với các thông tin có tính thời sự, biên tập viên, cộng tác viên thực hiện thu thập thông tin và gửi đến Thư ký Ban biên tập vào cuối buổi sáng và chiều các ngày làm việc. Thư ký Ban biên tập sẽ tập hợp và trình lên Trưởng Ban biên tập xem xét trong ngày làm việc. Tin tức sẽ được cập nhật chậm nhất vào 16 giờ 30 phút hàng ngày, số lần cập nhật/ngày sẽ tùy thuộc vào thực tế nhưng không ít hơn 01 lần/ 02 ngày;

b) Đối với các bài viết không có tính thời sự, Biên tập viên, Cộng tác viên sẽ thực hiện thu thập thông tin và gửi đến thư ký vào cuối ngày làm việc, không chậm hơn 16 giờ 30 phút hàng ngày. Thư ký sẽ tập hợp và trình lên Trưởng Ban biên tập xem xét vào ngày làm việc tiếp theo. Các bài viết sẽ được cập nhật lên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia trong ngày làm việc tiếp theo sau khi Trưởng Ban biên tập ký duyệt.

**Điều 16. Khai thác thông tin trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia**

* + - 1. Thông tin được cung cấp công khai, miễn phí trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia bao gồm: Tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, tình trạng của doanh nghiệp.
      2. Thông tin về đăng ký doanh nghiệp phải trả phí:

a) Thông tin về một doanh nghiệp bao gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện;

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;

- Các tài liệu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp;

- Báo cáo tài chính của công ty cổ phần;

- Báo cáo về lịch sử hồ sơ doanh nghiệp trong 3 năm gần nhất bao gồm: thông tin các lần đăng ký doanh nghiệp gần nhất của doanh nghiệp kèm theo danh sách tài liệu đính kèm theo từng lần đăng ký và thông tin đầy đủ về doanh nghiệp tại thời điểm hiện tại;

b) Báo cáo tổng hợp về người thành lập, quản lý doanh nghiệp trong 3 năm gần nhất bao gồm: danh sách doanh nghiệp mà cá nhân đó tham gia thành lập, quản lý trong 3 năm gần nhất và vai trò của cá nhân tại các doanh nghiệp đó.

**Điều 17. Khai thác thông tin chuyên sâu về đăng ký doanh nghiệp**

Ngoài những thông tin về đăng ký doanh nghiệp được cung cấp theo quy định tại Điều 16 Quy chế này, các tổ chức, cá nhân có thể liên hệ với Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh để được cung cấp thông tin chuyên sâu về đăng ký doanh nghiệp.

1. Phương thức yêu cầu thông tin chuyên sâu về đăng ký doanh nghiệp
2. Tổ chức, cá nhân gửi yêu cầu tới Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia;
3. Tổ chức, cá nhân liên hệ trực tiếp với Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh.
4. Mức phí và phương thức thanh toán thực hiện theo thoả thuận.

**Điều 18. Phạm vi khai thác thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh**

Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh được khai thác những thông tin thuộc phạm vi địa phương quản lý trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh được khai thác thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Báo cáo tổng hợp về người thành lập, quản lý doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc từ Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia để cung cấp cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

**Điều 19. Phương thức thanh toán**

Tổ chức, cá nhân có yêu cầu có thể tiến hành thanh toán theo một trong hai phương thức sau:

a) Thanh toán trực tiếp trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia;

b) Thanh toán trực tiếp tại Cơ quan cung cấp thông tin.

**Chương IV**

**HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

**VÀ AN NINH, BẢO MẬT HỆ THỐNG**

**Điều 20. Hệ thống Hạ tầng kỹ thuật**

Mô hình kết nối vật lý:

a) Mạng trục gồm 02 Trung tâm dữ liệu: Trung tâm dữ liệu 1 đặt tại Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm dữ liệu 2 đặt tại Trung tâm dữ liệu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Mạng vệ tinh tại Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh bao gồm tất cả các mạng vệ tinh với đối tượng sử dụng nội bộ (internal user) được kết nối đến Trung tâm dữ liệu 1 để thực hiện nghiệp vụ đăng ký kinh doanh;

c) Đối tượng sử dụng ngoài (external user) bao gồm các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu, được kết nối đến Trung tâm dữ liệu 2 để thực hiện các dịch vụ qua mạng điện tử và trao đổi dữ liệu.

2. Mô hình kết nối logic:

a) Sử dụng công nghệ MPLS/VPN trên các thiết bị định tuyến tại các Trung tâm dữ liệu và các mạng vệ tinh;

b) Sử dụng kênh thuê riêng trên các thiết bị định tuyến;

c) Trung tâm dữ liệu 1 và 2 được chia thành nhiều vùng mạng, mỗi vùng mạng có nhiệm vụ và chức năng riêng biệt.

3. Các cán bộ quản lý vận hành truy cập vào Hệ thống thông qua tài khoản tham gia tên miền được lưu trên máy chủ tên miền đặt tại Trung tâm dữ liệu.

4. Các máy trạm tại Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh kết nối tới Hệ thống phải tham gia tên miền. Cán bộ Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chỉ đăng nhập vào máy tính sử dụng tài khoản tên miền để tác nghiệp.

**Điều 21. Sao lưu dữ liệu**

1. Cán bộ quản trị vận hành Hệ thống có trách nhiệm duy trì đảm bảo tính vận hành liên tục của Hệ thống, hạn chế rủi ro đến mức thấp nhất và có các phương án sao lưu để sẵn sàng khôi phục lại dữ liệu cho Hệ thống.

2. Những dữ liệu cần được sao lưu bao gồm

a) Dữ liệu các máy chủ của Hệ thống: Máy chủ ứng dụng, máy chủ cơ sở dữ liệu, máy chủ Proxy, máy chủ DNS, máy chủ AD, máy chủ phòng chống vi rút, máy chủ chia sẻ dữ liệu, máy chủ thư điện tử, máy chủ ứng dụng và máy chủ sao lưu dự phòng;

b) Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

c) Cấu hình các thiết bị mạng và thiết bị truyền dẫn tại Mạng trục và các Mạng vệ tinh.

3. Chế độ sao lưu dữ liệu

a) Sao lưu theo ngày: Những dữ liệu thay đổi trong ngày sẽ được sao lưu vào thời điểm cuối ngày làm việc, bản sao lưu hàng ngày sẽ được lưu trong thời gian 06 ngày liên tục sau đó sẽ được ghi thay thế bằng dữ liệu mới;

b) Sao lưu theo tuần: Định kỳ hàng tuần, thực hiện việc sao lưu toàn bộ dữ liệu Hệ thống một lần, bản sao lưu theo tuần được giữ trong thời gian 03 tuần liên tiếp; đến tuần thứ tư thì bản sao lưu mới sẽ thay thế dữ liệu tuần đầu tiên;

c) Sao lưu theo tháng: Định kỳ hàng tháng, thực hiện việc sao lưu toàn bộ dữ liệu Hệ thống 1 lần, sau đó bản sao lưu được giữ trong thời gian 02 tháng và sẽ được ghi thay thế ở tháng thứ ba;

d) Sao lưu theo nửa năm: Định kỳ nửa năm, thực hiện việc sao lưu toàn bộ dữ liệu Hệ thống và lưu trữ vĩnh viễn dữ liệu sao lưu này.

4. Địa điểm cất giữ

a) Các bản sao lưu hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, nửa năm được cất giữ trong thư viện lưu trữ băng từ tại Trung tâm dữ liệu 1 và Trung tâm dữ liệu 2;

b) Các bản sao lưu hàng tháng và hàng quý, ngoài lưu tại thư viện băng từ còn được lưu tại một địa điểm đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật khác.

**Điều 22. Khôi phục dữ liệu**

1. Định kỳ 06 tháng, Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh lập kế hoạch sao lưu, kiểm tra dữ liệu và tiến hành tập dượt khôi phục dữ liệu.
2. Việc khôi phục dữ liệu được thực hiện khi Hệ thống phát sinh một trong các lỗi gây mất dữ liệu như sau:

a) Lỗi do người dùng: Do người quản lý vận hành hoặc người dùng gây ra;

b) Lỗi thiết bị phần cứng: Bộ nhớ, ổ đĩa, bộ nhớ đệm, bộ vi xử lý;

c) Lỗi phần mềm ứng dụng;

d) Lỗi do môi trường, thiên tai, thảm họa gây ra;

e) Lỗi không xác định.

1. Các bước tiến hành khôi phục dữ liệu:

a) Xác định dữ liệu cần khôi phục;

b) Xác định rõ tài nguyên, các bản sao lưu để khôi phục dữ liệu;

c) Thực hiện việc khôi phục bản dữ liệu được sao lưu gần nhất cùng với các thông tin về đường dẫn nơi đặt dữ liệu.

**Điều 23. Kiểm tra và bảo trì Hệ thống**

1. Cục Quản lý đăng ký kinh doanh phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện bảo trì thường xuyên, đảm bảo Hệ thống hoạt động liên tục, ổn định và an toàn; tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về quản lý, triển khai, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống Hạ tầng kỹ thuật theo các quy định tại Quy chế này tại Trung tâm dữ liệu 1, Trung tâm dữ liệu 2 và các Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.
2. Nội dung kiểm tra bao gồm:

a) Việc đảm bảo điều kiện môi trường cho thiết bị, cấp nguồn điện, thiết bị vận hành an toàn, sạch sẽ;

b) Hoạt động của hệ thống máy chủ, máy trạm, các dịch vụ (cập nhật các bản vá, bản sửa lỗi, dung lượng ổ cứng, hiệu năng sử dụng...);

c) Việc phòng chống vi rút, đánh giá hiệu quả (khả năng phát hiện, phòng chống và diệt) của chương trình phòng chống vi rút;

d) Kiểm tra công tác sao lưu, lưu trữ, phục hồi dữ liệu;

e) Công tác cập nhật, lưu trữ hồ sơ: ghi nhật ký, cập nhật thống kê, tổng hợp thiết bị, báo cáo;

f) Việc tuân thủ các quy định khác nêu tại Quy chế này.

1. Các vấn đề phát hiện sau khi kiểm tra phải được tổng hợp, đánh giá phân tích mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của Hệ thống và lập kế hoạch khắc phục xử lý.
2. Toàn bộ quá trình bảo trì phải được ghi sổ nhật ký, cập nhật các thay đổi của hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong những lần sửa chữa, nâng cấp, thay thế hoặc lắp đặt mới.
3. Các thiết bị tin học phải được thường xuyên theo dõi và xử lý kịp thời các hư hỏng, biểu hiện mất ổn định hoặc quá tải. Cập nhật kịp thời các bản vá lỗi, lấp các lỗ hổng về an ninh.

Điều 24. Quản lý bản quyền phần mềm

1. Thực hiện các quy định về quản lý phần mềm theo hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.
2. Các phần mềm được cài đặt tại Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cần được sự chấp thuận của Quản trị viên Hệ thống. Chỉ được cài đặt và sử dụng các phần mềm có bản quyền.
3. Không phát tán, chia sẻ phần mềm có bản quyền của Hệ thống ra bên ngoài.

Điều 25. Quản lý thiết bị hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống

1. Việc quản lý và sử dụng thiết bị hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống phải được thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này.
2. Hàng năm, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh phối hợp và cùng rà soát, xây dựng và thực hiện kế hoạch nâng cấp hoặc thay mới thiết bị tin học để đảm bảo phục vụ tốt công tác chuyên môn được phân công.

Điều 26. An toàn thông tin

Hệ thống phải được thường xuyên giám sát, theo dõi đảm bảo các nguyên tắc về an toàn thông tin trong Hệ thống bao gồm:

1. Tính bí mật: Các thông tin cá nhân của người dùng như thư điện tử, dữ liệu trên thư mục người dùng phải được đảm bảo bí mật;
2. Tính nguyên vẹn: Thông tin chỉ có thể bị sửa đổi, xóa hoặc bổ sung bởi cá nhân chủ sở hữu thông tin;
3. Tính sẵn sàng: Thông tin luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dùng;
4. Tính không thể phủ nhận: Người khởi tạo thông tin không thể phủ nhận trách nhiệm đối với thông tin do mình tạo ra;
5. Tính xác thực: Xác định được nguồn gốc của thông tin.

Điều 27. Quản lý mật khẩu

Việc quản lý mật khẩu của tài khoản quản trị Hệ thống phải tuân thủ theo đúng quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy chế này.

**Chương V**

**KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**Điều 28. Nguồn kinh phí đầu tư, phát triển và duy trì Hệ thống**

1. Kinh phí sử dụng quản lý và vận hành Hệ thống ở cấp trung ương được sử dụng từ các nguồn sau:

a) Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cấp;

b) Nguồn thu của Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh;

c) Nguồn vốn viện trợ, tài trợ và các nguồn khác.

2. Kinh phí sử dụng quản lý và vận hành Hệ thống ở cấp địa phương được sử dụng từ các nguồn sau:

a) Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cấp;

b) Nguồn thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp, phí cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp được để lại;

c) Nguồn vốn viện trợ, tài trợ và các nguồn khác.

**Điều 29. Nội dung chi cho Hệ thống ở cấp trung ương**

1. Những nội dung chi được bố trí từ kinh phí ngân sách nhà nước về đầu tư phát triển hoặc vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư:

a) Chi xây dựng mới, mua sắm, sửa chữa lớn cơ sở Hệ thống hạ tầng: phần mạng (router, switch, hub, access point, firewall, cáp truyền dẫn, vật liệu kết nối,…); phần cứng (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị lưu trữ, thiết bị in ấn, thiết bị lưu điện, chống sét, hệ thống làm mát cho hệ thống công nghệ thông tin và thiết bị ngoại vi khác); xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu;

b) Chi xây dựng mới, mua sắm, nâng cấp phần mềm ứng dụng: Chi phí xây lắp mạng; Các chi phí xây lắp trực tiếp khác có liên quan: phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, cổng /trang thông tin điện tử, phần mềm công cụ, phần mềm nền/lõi và phần mềm khác, bao gồm cả việc mua các bản quyền phần mềm;

Các nội dung chi nêu trên khi được lập dự án đầu tư để triển khai bao gồm các chi phí thành phần như sau:

- Chi phí xây lắp: Chi phí lắp đặt phụ kiện mạng, đi dây cho mạng công nghệ thông tin và các chi phí khác phục vụ cho lắp đặt mạng, các chi phí xây lắp trực tiếp khác có liên quan.

- Chi phí thiết bị: Chi phí mua sắm thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị đặc biệt là phần mềm nội bộ, các thiết bị phụ trợ và thiết bị ngoại vi; Chi phí mua sắm tài sản vô hình như phần mềm hệ thống, phần mềm thương mại, tạo lập cơ sở dữ liệu, chuẩn hoá phục vụ cho nhập dữ liệu, thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu, mua sắm các tài sản vô hình khác; Chi phí đào tạo chuyển giao công nghệ; Chi phí lắp đặt thiết bị, cài đặt phần mềm, kiểm tra và hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm.

- Chi phí quản lý dự án;

- Chi phí tư vấn đầu tư;

- Chi phí khác: phí và lệ phí; bảo hiểm, di chuyển thiết bị và lực lượng lao động; kiểm toán; thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư; lắp đặt và thuê đường truyền; lệ phí đăng ký và duy trì tên miền và các chi phí đặc thù khác.

- Chi phí dự phòng: Cho khối lượng công việc phát sinh chưa lường trước được khi lập dự án và chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá trong thời gian thực hiện dự án.

c) Chi khác (nếu có).

2. Những nội dung chi được bố trí từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước về chi thường xuyên, nguồn thu sự nghiệp:

a) Chi mua sắm, nâng cấp cơ sở Hệ thống hạ tầng và phần mềm ứng dụng bao gồm: chi xây dựng mới, mua sắm, nâng cấp phần mềm có mức vốn đầu tư dưới hạn mức quy định phải lập dự án đầu tư; chi mua sắm, thay thế một phần (dưới 50% tổng giá trị) phần cứng, phần mạng thuộc cơ sở hạ tầng hiện có; chi mua sắm, gia hạn các bản quyền phần mềm hoặc bản quyền hóa các phần mềm đang sử dụng chưa có bản quyền; mua sắm hệ thống điều hòa cho phòng máy chủ;

b) Chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa: chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở hạ tầng thông tin phần mạng và phần cứng; chi bảo trì, hỗ trợ vận hành phần mềm (bao gồm cả chi sao lưu - khôi phục định kỳ, đột xuất đối với phần mềm);

c) Duy trì các dịch vụ mạng: Đường truyền từ Hệ thống đến các Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh; đường truyền từ Hệ thống đến Tổng cục Thuế, đường truyền internet; duy trì tên miền, địa chỉ IP; thu thập, lưu trữ và truyền tải thông tin (dịch vụ duy trì hệ thống thư điện tử; dịch vụ lưu ký trang điện tử; dịch vụ thuê không gian lưu trữ trên Internet); các dịch vụ trực tuyến khác (dịch vụ tên miền DNS, dịch vụ xác thực LDAP, dịch vụ tên Windows Internet WINS, dịch vụ mạng ảo riêng VPN và các dịch vụ khác);

d) Chi dịch vụ khác: Dịch vụ thuê thiết bị công nghệ thông tin phần cứng và phần mạng, dịch vụ thuê chỗ đặt máy chủ và các thiết bị công nghệ thông tin khác; dịch vụ an ninh mạng và an toàn thông tin (chi tư vấn kiểm tra đánh giá an toàn thông tin, chi dịch vụ giám sát an toàn thông tin, dịch vụ ứng cứu sự cố an toàn thông tin); dịch vụ chữ ký số;

e) Chi quản lý, vận hành Hệ thống, gồm: Lập kế hoạch và giám sát, kiểm tra, đánh giá việc vận hành, duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thông tin; vận hành, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống công nghệ thông tin hoặc thuê quản trị vận hành, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật hệ thống công nghệ thông tin; quản lý người khai thác, sử dụng; kiểm soát an toàn mạng, an ninh thông tin, khả năng đáp ứng của hệ thống thông tin; thống kê, báo cáo tình hình khai thác, sử dụng mạng lưới hoặc lưu lượng trao đổi thông tin trong mạng; tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong trường hợp khẩn cấp; xây dựng, hoàn thiện quy chế, quy định quản lý hệ thống thông tin;

f) Chi tạo lập, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin, gồm: chuẩn hóa dữ liệu; tạo lập dữ liệu ban đầu; cập nhật dữ liệu, thông tin mới (mua nội dung thông tin, tạo lập và chuyển đổi thông tin, số hoá thông tin);

g) Chi bảo đảm hoạt động cho Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia bao gồm: Mua nội dung thông tin, tạo lập và chuyển đổi thông tin, số hóa các thông tin; chi bảo đảm nhân lực bao gồm Ban biên tập, nhân lực xử lý dịch vụ công trực tuyến và nhân lực quản trị kỹ thuật; chi bảo trì, bảo dưỡng; chi nâng cấp, chỉnh sửa;

h) Chi quản lý nhà nước về Hệ thống;

i) Chi thuê tư vấn trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, gồm: tư vấn chuyển giao công nghệ, tư vấn mua sắm và tư vấn khác;

k) Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

l) Chi trả các khoản tiền lương hoặc tiền công, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo tiền lương, tiền công, theo chế độ hiện hành cho cán bộ quản lý, vận hành Hệ thống; chi phụ cấp ưu đãi, phụ cấp độc hại theo chế độ cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin; trích lập, chi trả các quỹ theo quy định;

m) Chi cho công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá về Hệ thống;

n) Chi khác (nếu có).

**Điều 30. Nội dung chi quản lý và vận hành Hệ thống ở cấp địa phương**

1. Chi sửa chữa thường xuyên, duy tu, bảo dưỡng tài sản, máy móc, thuê phương tiện, thiết bị vận hành Hệ thống ở cấp địa phương.

2. Chi mua sắm vật tư, nâng cấp và bảo hiểm thiết bị phần cứng, phần mềm, hệ điều hành.

3. Duy trì các dịch vụ mạng: đường truyền dự phòng từ Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đến Hệ thống;

4. Chi tạo lập, duy trì Cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp thuộc phạm vi của Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gồm: chuẩn hóa dữ liệu; tạo lập dữ liệu ban đầu; cập nhật dữ liệu;

5. Chi cho công tác số hóa thông tin;

6. Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

7. Chi khác (nếu có).

**Điều 31. Chế độ chi, định mức chi**

Chế độ chi, định mức chi, căn cứ lập dự toán kinh phí để quản lý và vận hành Hệ thống thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Chương VI**

**TRÁCH NHIỆM TRONG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG**

**Điều 32. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sử dụng Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia**

1. Các tổ chức, cá nhân có tài khoản chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của tài khoản đã được cấp trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Chỉ được sử dụng duy nhất một địa chỉ thư điện tử để đăng ký tài khoản trong Hệ thống. Chủ tài khoản tự chịu trách nhiệm bảo mật thư điện tử cá nhân và sử dụng thư điện tử để đăng ký trong Hệ thống.

3. Người sử dụng tài khoản chịu trách nhiệm giữ bí mật mật khẩu của mình và phải thông báo kịp thời cho Cơ quan quản lý và vận hành Hệ thống nếu mật khẩu bị mất hoặc bị đánh cắp hoặc phát hiện có người sử dụng trái phép mật khẩu để thực hiện các hành vi vi phạm an ninh có thể ảnh hưởng đến Hệ thống.

4. Người sử dụng tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và rủi ro có thể phát sinh khi sử dụng thông tin trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia vào các mục đích hoạt động của cá nhân.

**Điều 33. Trách nhiệm của Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh**

* + - 1. Cán bộ Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của tài khoản đã được cấp trên Hệ thống.
      2. Đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp
  1. Đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của dữ liệu doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp do được chuyển đổi từ cơ sở dữ liệu về đăng ký kinh doanh của địa phương mình, đảm bảo các thông tin chuyển đổi là trùng khớp so với thông tin gốc. Trong quá trình chuyển đổi dữ liệu, các thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh là thông tin gốc về doanh nghiệp;
  2. Thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý, năm kết quả việc tạo lập và chuyển đổi dữ liệu, gửi về Cục Quản lý đăng ký kinh doanh để theo dõi, quản lý;
  3. Đảm bảo thông tin về đăng ký doanh nghiệp được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phản ánh trung thực, chính xác nội dung thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp;
  4. Rà soát chuẩn hóa dữ liệu, số hoá thông tin về đăng ký doanh nghiệp thuộc phạm vi dữ liệu của Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh theo quy định tại Chương II Quy chế này;
  5. Trong quá trình trao đổi mã số doanh nghiệp, thường xuyên theo dõi, cập nhật, kịp thời xử lý các vấn đề có liên quan theo danh sách giao dịch chờ xác nhận/bị từ chối và danh sách cập nhật.
     + 1. Thực hiện quản lý và vận hành hệ thống máy trạm, các thiết bị hỗ trợ vận hành máy trạm, mạng truyền dẫn; đảm bảo an ninh, an toàn và bảo mật Hệ thống, nghiêm túc thực hiện các quy định về sử dụng tài khoản đăng nhập vào Hệ thống.
       2. Khai thác và sử dụng các sản phẩm thông tin về đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.
       3. Phối hợp với Cục Thuế địa phương thực hiện các công việc sau:

1. Phối hợp với Cục Thuế địa phương trong việc trao đổi thông tin về tình trạng mã số doanh nghiệp của doanh nghiệp giữa Hệ thống và Hệ thống Đăng ký Thuế của Tổng cục Thuế;
2. Phối hợp với Cục Thuế địa phương theo dõi, kiểm tra, đối chiếu thông tin doanh nghiệp giữa Hệ thống và Hệ thống Đăng ký Thuế sau khi cập nhật hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
   * + 1. Xây dựng dự toán kinh phí để duy trì và vận hành Hệ thống theo quy định tại Điều 30 Quy chế này gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp vào dự toán kinh phí hàng năm.

**Điều 34**. **Trách nhiệm của các Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh/thành phố**

* + - 1. Phối hợp với Cục Thuế địa phương trong việc cấp mã số doanh nghiệp, thông tin về hồ sơ doanh nghiệp, rà soát thông tin về đăng ký doanh nghiệp thuộc phạm vi địa phương quản lý.
      2. Phối hợp với Cục Quản lý đăng ký kinh doanh trong việc đào tạo cán bộ, công chức, viên chức nghiệp vụ về đăng ký doanh nghiệp và kiến thức về công nghệ thông tin liên quan đến Hệ thống.
      3. Đảm bảo kinh phí để duy trì, vận hành Hệ thống theo quy định của pháp luật và Điều 30 Quy chế này.

**Điều 35**. **Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

1. Trách nhiệm của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh

a) Cục Quản lý đăng ký kinh doanh là đơn vị có trách nhiệm giúp Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc kết nối và trao đổi thông tin về đăng ký doanh nghiệp;

c) Phối hợp với Tổng cục Thuế để thực hiện các công việc sau:

- Kết nối, trao đổi thông tin giữa Hệ thống và Hệ thống Đăng ký Thuế của Tổng cục Thuế trong quá trình xử lý thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Phối hợp với Tổng cục Thuế để kịp thời tháo gỡ, xử lý vướng mắc trong quá trình trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan Thuế;

- Nhận dữ liệu về các báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc để cung cấp cho các tổ chức, cá nhân theo quy định tại Khoản 3 Điều 129 Luật Doanh nghiệp;

- Kết nối, trao đổi thông tin về tình trạng mã số thuế của doanh nghiệp giữa Hệ thống và Hệ thống Đăng ký Thuế của Tổng cục Thuế để xác định chính xác, kịp thời tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý doanh nghiệp theo Quyết định 419/QĐ-TTg  ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

d) Cấp và thu hồi tài khoản người sử dụng Hệ thống;

e) Tổ chức đào tạo, hướng dẫn về quản lý vận hành và khai thác sử dụng Hệ thống trên phạm vi toàn quốc;

f) Lập dự án đầu tư, dự toán kinh phí thường xuyên hàng năm để đảm bảo Hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, bảo mật thông tin trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; quản lý sử dụng kinh phí được cấp cho Hệ thống theo quy định của pháp luật;

g) Ban hành quy trình và tài liệu hướng dẫn để quản lý và vận hành Hệ thống.

2. Trách nhiệm của Tổng cục Thống kê

a) Cung cấp kịp thời và thường xuyên các thông tin rà soát, điều tra liên quan đến doanh nghiệp để cập nhật, bổ sung vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

b) Phối hợp với Cục Quản lý đăng ký kinh doanh trong việc rà soát, chuẩn hóa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp.

3. Trách nhiệm của Văn phòng Bộ

a) Đảm bảo hạ tầng để lắp đặt máy chủ Hệ thống, hạ tầng mạng và các thiết bị hỗ trợ vận hành Hệ thống;

b) Tham mưu giúp Bộ trưởng đề xuất việc phân bổ nguồn ngân sách nhà nước; thẩm định, phê duyệt dự toán hàng năm cho hoạt động của Hệ thống, đảm bảo kinh phí cho việc vận hành, duy trì và phát triển Hệ thống.

4 . Trách nhiệm của Vụ Tổ chức cán bộ

a) Phối hợp với Cục Quản lý đăng ký kinh doanh bố trí nguồn lực con người phục vụ việc quản lý và vận hành Hệ thống;

b) Bảo đảm kinh phí để đào tạo, bồi dưỡng kiến thức tin học cho cán bộ, công chức, viên chức từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước và từ các nguồn kinh phí khác.

5. Trách nhiệm của Trung tâm Tin học

a) Phối hợp với Cục Quản lý đăng ký kinh doanh quản lý, vận hành, đảm bảo cơ sở hạ tầng đặt máy chủ, hạ tầng mạng cho Trung tâm dữ liệu 2 của Hệ thống đặt tại Trung tâm cơ sở dữ liệu của Bộ hoạt động ổn định, an toàn và bảo mật thông tin;

b) Phối hợp với Cục Quản lý đăng ký kinh doanh trong việc tổ chức quản lý vận hành, giám sát và kiểm tra định kỳ Trung tâm dữ liệu 2 của Hệ thống;

c) Phối hợp với Cục Quản lý đăng ký kinh doanh trong việc kết nối, trao đổi dữ liệu giữa hệ thống máy chủ của Trung tâm dữ liệu 1, Trung tâm dữ liệu 2 và các Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

**Chương VII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 36. Khen thưởng**

Các đơn vị, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy chế, góp phần phát triển Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia được xét khen thưởng theo quy định.

**Điều 37. Xử lý vi phạm**

1. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân vàcác đơn vị có liên quan khi sử dụng Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia phải tuyệt đối tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

2. Mọi hành vi vi phạm Quy chế sẽ bị xử lý theo quy định; nếu vi phạm gây thiệt hại đến tài sản, thiết bị, thông tin, dữ liệu trên Hệ thống thì còn phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Các hành vi truy cập Hệ thống không hợp pháp như: sử dụng tài khoản đăng nhập của người khác khi chưa được phép, tấn công từ bên ngoài… sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 38. Trách nhiệm thi hành**

1. Cục Quản lý đăng ký kinh doanh là đơn vị đầu mối trong việc tổ chức hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, mọi vướng mắc, phát sinh đề nghị thông báo về Cục Quản lý đăng ký kinh doanh để tổng hợp, báo cáo, trình các cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **BỘ TRƯỞNG**  **Bùi Quang Vinh** |